

Đơn vị: Trường THPT Ninh Bình Bạc Liêu
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 05 tháng 02 năm 2 025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT TNinh Bình - Bạc Liêu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2024 như sau:

ĐVT: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2024 với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí: Không có				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19,253,554	17,982,309		
I	Nguồn ngân sách trong nước	19,253,554	17,982,309		
1	Chi quản lý hành chính	0	0		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19,253,554	17,982,309		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13,887,095	13,887,095	100.00	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5,366,459	4,095,214	76.31	
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Minh Hoa

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Năm 2024

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2024					Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	KPchuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm			
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10	
	Tổng cộng	19.253.554	16.095.000	-	3.158.554	17.982.309	17.982.309	1.271.245,3		
1	Kinh phí thường xuyên	13.887.095	12.388.000	-	1.499.095	13.887.095	13.887.095	-		
1,1	Kinh phí chi hoạt động	13.887.095	12.388.000		1.499.095	13.887.095	13.887.095	-		
2	Kinh phí không thường xuyên	5.366.459	3.707.000	-	1.659.459	4.095.214	4.095.214	1.271.245,3		
1,2	Kinh phí mua sắm	1.949.000	1.573.000	-	376.000	1.580.993	1.580.993	368.007	-	
	Mua bàn ghế học sinh	154.000	162.000	-	8.000	153.320	153.320	680,0		
	Ghế hội trường	43.000	45.000	-	2.000	42.960	42.960	40,0		
	Mua máy phottocoppy	81.000	81.000			75.000	75.000	6.000,0		
	Thiết bị TĐTT	171.000	180.000	-	9.000	133.137	133.137	37.863,0		
	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu	1.050.000	1.105.000	-	55.000	749.971	749.971	300.029,0		
	Mua bàn ghế học sinh bổ sung 250 bộ	450.000	-		450.000	426.605	426.605	23.395,0		
1,3	Kinh phí xây dựng, sửa chữa	2.523.916	1.800.000	-	723.916	1.674.808	1.674.808	849.108		
	Sửa chữa nhà Đa Năng (Mái tôn, tường, cửa, nhà VS..)	1.710.000	1.800.000	-	90.000	1.674.808	1.674.808	35.192,0		
	Sửa chữa nhà vệ sinh	813.916			813.916	-	-	813.916,0		
1,4	Kinh phí đặc thù	893.543	334.000	-	559.543	839.413	839.413	54.130,3		
	Duy trì phần mềm TS	2.000	2.000			2.000	2.000	-		
	Kinh phí thực hiện chính sách MGHP	19.954	23.000	-	3.046	19.440	19.440	514,0		
	Kinh phí thực hiện chính sách HTCPTH	18.000	18.000			15.150	15.150	2.850,0		
	Kinh phí thực hiện chính sách về giáo dục đối với người KT	13.000	13.000				-	13.000,0		



	Kinh phí thi tốt nghiệp THPT	167.589			167.589	164.232	164.232	3.357,3	
	KP thực hiện CS ưu đãi đối với GV giảng dạy người KT	278.000	278.000	-		243.591	243.591	34.409,0	
	KP khen thưởng theo NĐ 73 năm 2024	395.000	395.000	-		395.000	395.000	-	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán

Nguyễn Thị Thu Thủy

Ngày 05 tháng 02 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Minh Hoa

